

PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM Ở CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

*Hồ Trọng Ngũ**

1. Phòng ngừa tội phạm là nội dung cơ bản trong chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta. Chính vì vậy, việc nghiên cứu về phòng ngừa tội phạm là một hướng quan trọng trong Tội phạm học hiện đại.

Phòng ngừa tội phạm là một hệ thống tổng hợp những biện pháp có quan hệ hữu cơ với nhau được các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và mọi công dân tiến hành nhằm ngăn chặn tội phạm xảy ra và loại trừ những nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh hiện tượng xã hội tiêu cực đó.

Có thể coi phòng ngừa như một phản ứng phòng vệ của cơ thể xã hội mà mục đích của sự phản ứng đó là đề phòng, ngăn chặn tội phạm. Phản ứng phòng vệ hợp lý và tối ưu nhất là sao cho không dẫn đến hình phạt. Thông qua việc cải thiện các điều kiện kinh tế, xã hội; tổ chức tốt đời sống văn hoá vật chất và tinh thần cho dân cư; giáo dục lối sống tuân thủ các chuẩn mực xã hội; tạo ra những môi trường xã hội tích cực thuận lợi cho sự hình thành và hoàn thiện nhân cách con người để xoá bỏ các nguyên nhân và điều kiện phạm tội.

Để phòng ngừa đạt hiệu quả, các hình thức, biện pháp, phương tiện phòng ngừa phải đúng đắn.

Căn cứ vào yếu tố chủ thể tiến hành để nhận dạng, thì có thể phân chia toàn bộ hoạt động phòng ngừa tội phạm thành hai dạng: **phòng ngừa xã hội** và **phòng ngừa chuyên biệt**. Chia phòng ngừa tội phạm thành phòng ngừa xã hội và phòng ngừa chuyên biệt ngoài ý nghĩa chức năng hoá và phân công xã hội còn dựa trên một cơ sở tư tưởng hợp lý: coi xã hội như một hệ thống luôn có chức năng tự bảo vệ; phòng ngừa tội phạm như

một phản ứng, thiên chức tự bảo vệ của cơ thể xã hội.

Phòng ngừa xã hội là một hệ thống đa chiều, đa chủ thể với việc áp dụng các biện pháp mang tính chất chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục và hành chính - pháp luật... được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm hạn chế hoặc loại trừ những yếu tố có thể trở thành nguyên nhân và điều kiện thực hiện tội phạm.

Phòng ngừa chuyên biệt là hệ thống gồm chủ yếu các biện pháp pháp luật - nghiệp vụ do các cơ quan bảo vệ pháp luật tiến hành nhằm mục đích phát hiện, ngăn chặn và loại trừ những nguyên nhân của tình trạng phạm tội và điều kiện thực hiện tội phạm, được tiến hành dưới những hình thức có tính chất chuyên biệt, nghiệp vụ.

Phòng ngừa xã hội là những nỗ lực cải thiện toàn diện các điều kiện chính trị, xã hội, tư tưởng, kinh tế, pháp luật làm tiền đề căn bản cho việc loại trừ tình trạng phạm tội khỏi đời sống xã hội. Những biện pháp đó làm miễn dịch cơ thể xã hội; tạo ra phòng tuyến để ngăn cách, chặn lại không cho những tội phạm đã có đầu đó, những mầm mống tội phạm đã xuất hiện đầu đó không thể xâm nhập vào xã hội ta; hạn chế và đi đến loại bỏ những điều kiện để tội phạm có thể xâm nhập và phát triển. Tất cả các lực lượng xã hội, các cơ quan, tổ chức được hình thành để thực hiện các mục đích xã hội tích cực và hợp pháp trong xã hội đều phải tham gia công cuộc phòng ngừa này và lập nên một phòng tuyến phòng ngừa tội phạm. Có thể hình dung hệ thống phòng ngừa này như một tấm lưới đa tầng bảo vệ che chắn cho xã hội khỏi những virút gây tội phạm, tệ nạn thâm nhập vào cơ thể xã hội và khi bị xâm nhập thì phát hiện ngay và có phản ứng kịp thời, cô lập, vô hiệu hoá.

* PGS.TS Luật học, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Công an nhân dân

Phòng ngừa tội phạm theo cấp độ chuyên biệt lại đòi hỏi phải sử dụng các biện pháp có tính chuyên môn nghiệp vụ. Phòng ngừa chuyên biệt là hệ quả của sự phân năng, chuyên biệt hoá vai trò xã hội và cơ cấu, hệ thống của xã hội. Tính hệ thống, tính phân công xã hội đã quy định sự cần thiết phải có phòng ngừa chuyên biệt. Chính vì thế khi nói đến phòng ngừa chuyên biệt là người ta nói đến các chủ thể có chức năng chuyên môn này. Cụ thể là các cơ quan bảo vệ pháp luật có chức năng trực tiếp đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Các biện pháp tập trung và có hiệu quả cao là các biện pháp của các ngành công an, toà án, kiểm sát... Đó là những biện pháp hành chính - pháp luật và tổ chức, chiến thuật, kỹ thuật mang tính chất nghề nghiệp rõ nét... để phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung và các loại tội phạm cụ thể. Tính chuyên biệt được quy định bởi những chức năng cơ bản của các cơ quan bảo vệ pháp luật - chủ thể trực tiếp đấu tranh với tội phạm, vi phạm pháp luật, đồng thời các điều kiện, hoàn cảnh, phương pháp áp dụng và các điều kiện khác cho phép các chủ thể này phòng ngừa tội phạm với tư cách nghề nghiệp chuyên môn. Trong hệ thống chủ thể này, vai trò đặc biệt quan trọng thuộc về các cơ quan công an nhân dân. Khác với phòng ngừa xã hội, phòng ngừa chuyên biệt thường là những biện pháp được tính toán cho những cấp độ cụ thể hơn, để tác động lên những vấn đề, những đối tượng có địa chỉ cụ thể, có thể nói là những điểm nhấn trong bức tranh toàn cảnh về tình hình tội phạm.

Các biện pháp phòng ngừa tội phạm hợp thành một hệ thống thống nhất.

Bằng cách tiếp cận khác, căn cứ chủ yếu vào đối tượng của tác động phòng ngừa thì có thể chia các biện pháp phòng ngừa tội phạm thành các cấp độ:

+ **Phòng ngừa tội phạm nói chung;**

+ **Phòng ngừa các nhóm tội phạm nhất định có cùng loại khách thể hoặc có chung những đặc trưng về chủ thể (ví dụ phòng ngừa các tội xâm phạm nhân thân, phòng**

ngừa tội phạm kinh tế, hoặc phòng ngừa tội phạm vị thành niên,...);

+ **Phòng ngừa những tội phạm cụ thể (ví dụ, phòng ngừa tội phạm cướp; phòng ngừa tội phạm buôn lậu...).**

Nếu nhìn từ góc độ phương pháp tác động phòng ngừa thì người ta lại chia tiếp các nhóm biện pháp phòng ngừa tội phạm nói trên thành hai loại biện pháp. Đó là **phòng ngừa chung** và **phòng ngừa cá biệt** (còn gọi là phòng ngừa riêng).

Nhóm các biện pháp phòng ngừa chung thường được áp dụng để tác động lên những yếu tố nguyên nhân, điều kiện có tính chất phổ biến, và cũng nhằm phòng ngừa ngăn chặn tội phạm trên một diện rộng, đối với cả một cộng đồng dân cư nhất định, xét cả về loại tội phạm cũng như đối tượng con người có khả năng, điều kiện thực hiện tội phạm. Ví dụ, để chuẩn bị cho một đợt bầu cử, lực lượng Công an đã phải áp dụng tổng hợp các biện pháp để làm trong sạch địa bàn.

Nhóm các biện pháp phòng ngừa cá biệt (phòng ngừa riêng) đối với các cá thể trong các cộng đồng xã hội, là nhằm tác động khác phục những nguyên nhân, điều kiện dẫn những con người cụ thể đó đi vào con đường phạm tội, ngăn chặn không để các yếu tố có ý nghĩa động cơ, mục đích trong con người phát tác đẩy con người đến hành vi phạm pháp. Phòng ngừa trong trường hợp này có thể hiểu như là một hệ thống kiểm soát hành vi. Trở lại ví dụ trên, cùng với việc áp dụng các biện pháp tuyên truyền, vận động, tăng cường tuần tra kiểm soát để phòng ngừa chung, thì việc cán bộ công an gặp gỡ cá biệt để răn đe, hoặc thông qua gia đình để tác động đối với những đối tượng thường hay gây rối trên địa bàn, là biện pháp phòng ngừa riêng rất cần thiết.

Phòng ngừa chung có cơ sở tư tưởng và thực tiễn ở chỗ: tội phạm do nhiều nguyên nhân khác nhau mà hình thành. Các tội phạm, các nhóm tội phạm có mối liên hệ với nhau, tác động và quy định lẫn nhau. Vì thế các biện pháp tác động phòng ngừa được tính toán trên một nguyên tắc tổng thể hệ

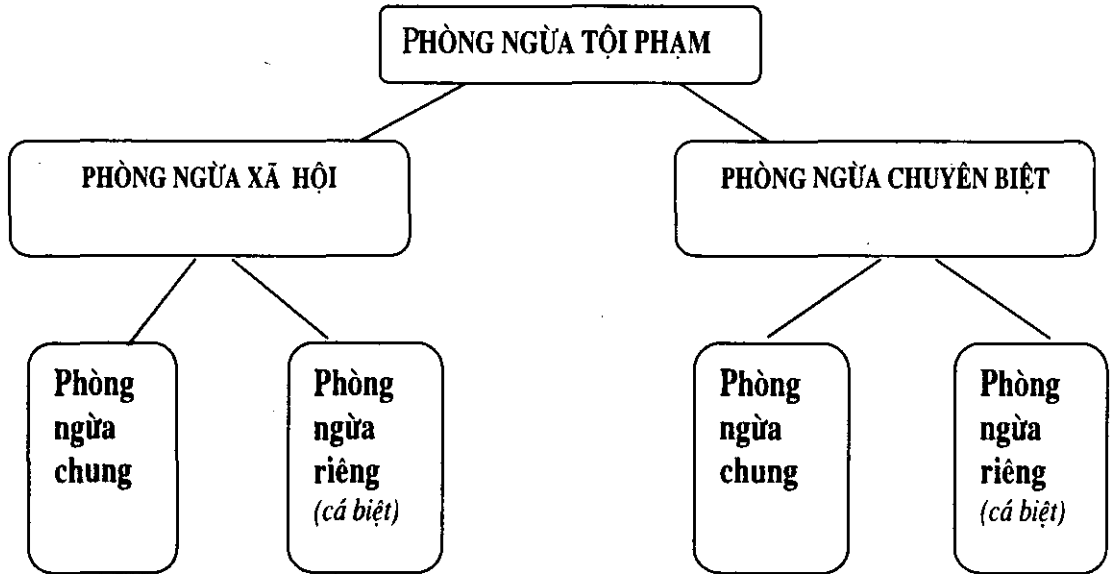
thống trên mọi phương diện đời sống xã hội và đối với tất cả các nguyên nhân, điều kiện chung trong xã hội có thể làm phát sinh, phát triển tội phạm. Các biện pháp phòng ngừa chung có tác dụng phòng ngừa chung đối với tất cả hoặc đối với những nhóm hoặc những tội phạm nhất định, nhưng không phải nhằm vào những đối tượng con người và hành vi cụ thể nào đó đã xác định.

Phòng ngừa cá biệt có cơ sở ở chỗ cá nhân người phạm tội có nhân thân, nhân cách riêng, khả năng tiếp nhận những tác động giáo dục xã hội khác nhau... Phòng ngừa cá biệt là tác động lên những yếu tố của môi trường hình thành nhân cách cụ thể, đặc thù đối với con người cụ thể mà ta thấy rằng môi trường đó có thể dẫn con người đến

những hành vi phạm tội. Phòng ngừa riêng bao giờ cũng nhằm vào những đối tượng cụ thể, cá biệt trên cơ sở tính đến các yếu tố hoàn cảnh khách quan và chủ quan cụ thể của riêng đối tượng chịu sự tác động phòng ngừa để áp dụng biện pháp phù hợp, tối ưu nhất.

Từ những phân tích ở trên có thể thấy rằng, trong cả hai dạng phòng ngừa: phòng ngừa xã hội hay phòng ngừa chuyên biệt đều có những nhóm biện pháp phòng ngừa chung và nhóm biện pháp phòng ngừa riêng (cá biệt).

Tóm lại có thể hình dung sơ đồ tổng thể phân loại các dạng thức và biện pháp phòng ngừa như sau:



Rất tiếc rằng cho đến nay vẫn còn có tác giả nhầm lẫn giữa phòng ngừa chung với phòng ngừa xã hội và phòng ngừa chuyên biệt với phòng ngừa riêng.

Phòng ngừa tội phạm nói chung, cũng như phòng ngừa tội phạm trong các cộng đồng dân cư cụ thể cần phải xem xét theo quan điểm hệ thống. Hiệu quả phòng ngừa được cân nhắc trên các phương diện: tính nhân đạo tiến bộ, tính văn hoá hiện đại, tính kinh tế tối ưu, tính xã hội phổ biến. Vì vậy,

các biện pháp phòng ngừa phải thoã mãn các yêu cầu: hợp pháp, khoa học, hệ thống...

Phòng ngừa tội phạm được thực hiện trên phạm vi toàn xã hội, ở mọi cấp, mọi ngành, mọi địa phương và tầng lớp dân cư. Dù nhìn dưới góc độ nào thì phòng ngừa tội phạm cũng phải được thực hiện bằng những biện pháp có tính chất tư tưởng, kinh tế, giáo dục và pháp lý. Tùy từng môi trường, cấp độ cụ thể mà khả năng áp dụng và tác dụng của các biện pháp này có thể phát huy một cách

khác nhau. Đặc biệt trong phòng ngừa tội phạm ở các cộng đồng dân cư thì vấn đề sử dụng đồng bộ các biện pháp mang tính chất tổng hợp nói trên có một ý nghĩa vô cùng to lớn.

2. Vì thành ngữ “cộng đồng” nói chung là khái niệm để chỉ một tập hợp người có chung những đặc điểm nào đó, nên cộng đồng dân cư được hiểu là một loại cộng đồng người cùng chung sống trong những khu vực, những địa bàn nhất định (lãnh thổ, địa giới hành chính, vùng miền...). Cộng đồng dân cư trước hết có một đặc điểm chung nhất là có chung điều kiện cư trú. Ngoài ra do những đặc điểm chung về điều kiện cư trú, cộng đồng dân cư sẽ có chung những đặc điểm nhất định về phương thức sản xuất, phong tục tập quán, điều kiện sinh hoạt vật chất, những nét văn hoá phổ biến, phương thức giao tiếp, và nhất là lợi ích chung mang tính cộng đồng.

Nói cách khác tiêu chuẩn căn bản nhất của cộng đồng dân cư là cùng cư trú trên một địa dư nhất định. Và tiêu chuẩn thứ hai, không kém phần quan trọng là mỗi thành viên cộng đồng có những quan hệ nhất định với các thành viên khác và quan tâm đến lợi ích chung mang tính cộng đồng. Thiếu yếu tố thứ hai, thì cũng không thể thành cộng đồng.

Từ hai tiêu chí cơ bản đó, có thể nói rằng những người đến rồi đi trong những quãng thời gian ngắn nào đó thì không thuộc phạm trù cộng đồng dân cư; những người sống tạm thời trên địa bàn mà không có những mối liên hệ tương đối bền vững nào đó, không có chung giao tiếp với những người xung quanh trên địa bàn đó không thuộc phạm trù những người trong cộng đồng dân cư. Ngược lại những người này thường là những đối tượng cần được xem xét trước hết và tính toán trong kế hoạch phòng ngừa. Cách đặt vấn đề như thế có ý nghĩa nhất định đối với việc xem xét giải quyết hàng loạt vấn đề phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật và các tệ nạn xã hội khác.

Tính chất, những đặc điểm chung của mỗi cộng đồng có khác nhau nên tạo ra những cộng đồng khác nhau. Dưới góc độ xã hội học các cộng đồng dân cư đó được coi như một xã hội thu nhỏ. Điều kiện sinh hoạt vật chất của mỗi cộng đồng dân cư sẽ chi phối những đặc điểm chung của cộng đồng đó.

Đặc trưng của mỗi cộng đồng dân cư lại quy định những nét tâm lý chung của cộng đồng và cũng vậy, sẽ quy định tích cực hay không tích cực của cộng đồng; khả năng tự miễn nhiễm của cộng đồng bằng các phản ứng từ bên trong (với ý nghĩa nội sinh) cũng như tiếp nhận những tác động phòng ngừa từ bên ngoài và khả năng biến đổi của cộng đồng theo hướng tích cực.

Chính vì thế, nhằm mục đích thực hiện các tác động xã hội (trong đó có phòng ngừa tội phạm) có thể phân chia các cộng đồng dân cư thành các loại khác nhau.

- Trên cơ sở sự phân định về địa giới và thứ bậc hành chính của lãnh thổ nơi dân cư sinh sống, kết hợp yếu tố đặc điểm cộng đồng dân cư tương đối ổn định trên các địa bàn đó, ta thường nói đến cộng đồng dân cư của một vùng miền, khu; tỉnh, thành phố; quận, huyện, thị xã; phường, xã, thị trấn; xóm, thôn, ấp, làng bản, buôn... Tất cả các cấp độ đó đều có thể gọi là những cộng đồng dân cư. Cộng đồng càng lớn thì những đặc điểm chung càng ít và càng khái quát.

- Cộng đồng dân cư có thể được nhìn dưới một góc độ khác trên cơ sở lý thuyết nhóm xã hội kết hợp với yếu tố cùng cư trú. Theo cách này người ta cũng có thể chia cộng đồng dân cư thành: dân cư khu vực đô thị và dân cư khu vực nông thôn, dân cư khu vực miền núi. Trên mỗi bình diện đó, xét về mặt lý thuyết đều có những yếu tố đặc trưng để tính toán những phương án, chiến lược, giải pháp cho việc phòng ngừa tội phạm. Đã có không ít công trình nghiên cứu về hoạt động phòng ngừa tội phạm trong các cộng đồng dân cư như thế. Ví dụ, nghiên cứu về phòng ngừa tội phạm trong vùng đồng bào các dân tộc Tây Nguyên; phòng ngừa tội

phạm trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh miền núi phía Bắc; phòng ngừa tội phạm trong các vùng giáo toàn tông, v.v.

Do các cộng đồng dân cư càng nhỏ và càng thuần nhất thì càng có nhiều điểm chung nên tổ chức các hoạt động phòng ngừa tội phạm càng thuận lợi và có hiệu quả cao. Vì thế, trong các cộng đồng dân cư ở cấp độ đơn vị hành chính cơ sở và dưới đơn vị hành chính cơ sở có thể tổ chức các biện pháp phòng ngừa đa dạng nhất và tính hiệu quả cao nhất. Mặt khác khi giải quyết tốt nhiệm vụ phòng ngừa trong tất cả các cộng đồng dân cư này thì tất yếu hiệu quả đấu tranh với tội phạm trên phạm vi toàn quốc sẽ được nâng cao. Điều này cho thấy vì sao cần tăng cường lực lượng cho cơ sở và hướng mạnh về cơ sở.

Các đơn vị hành chính cơ sở là phường, xã, thị trấn; và các cộng đồng dân cư dưới đơn vị hành chính cơ sở đó là các cụm dân cư, các tổ dân phố, các đường, phố, xóm, thôn, bản, làng... Khái niệm đơn vị hành chính hay cộng đồng "dưới cơ sở" mặc dầu chưa được chính thức dùng trong một văn bản nào, nhưng trên thực tế, theo nhiều quy định về địa bàn quản lý, nhiều chế định pháp lý của không ít ngành luật và đặc biệt phổ biến nhất là trong các văn bản dưới luật điều chỉnh các vấn đề liên quan đến an ninh trật tự và bộ máy bảo đảm an ninh trật tự ở cơ sở thì nhiều thiết chế quyền lực và quản lý đối với cộng đồng dân cư dưới đơn vị hành chính cơ sở là hiện hữu. Ví dụ đã có các chế định trường thôn, có công an thôn, tổ dân phố, tổ an ninh dân phố, có các đội dân phòng thôn v.v.

Nghiêm nhiên, những cộng đồng dân cư đó có tổ chức và có những chức năng hành chính tự quản nhất định. Chính ở cấp độ các cộng đồng dân cư này, các biện pháp phòng ngừa tội phạm phát huy tác dụng rất to lớn.

Do đặc điểm tổ chức đời sống sinh hoạt, phương thức tập trung dân cư (có thể tự nhiên hoặc quy hoạch) mà trên thực tế đã hình thành những cộng đồng dân cư có sự khác biệt tương đối. Theo lý thuyết tập hợp

có thể thấy cộng đồng càng nhỏ thì tính xác định và ổn định càng lớn. Một người chưa đăng ký cư trú ổn định tại một nơi cụ thể nào đó trong một huyện, nhưng thường xuyên sinh sống làm ăn chỉ trong địa giới huyện đó thì vẫn phải coi là một phần tử của cộng đồng dân cư huyện đó. Trong một cộng đồng dân cư dưới đơn vị hành chính cơ sở sẽ nghiêm nhiên loại trừ những phần tử mà không đăng ký cư trú, tạm trú tại đó. Hành vi cư trú không đăng ký sẽ dễ dàng bị phát hiện ở ngay cộng đồng dân cư dưới đơn vị hành chính cơ sở.

Chúng tôi tạm chia các cộng đồng dân cư dưới đơn vị hành chính cơ sở thành các nhóm như sau:

- Loại cộng đồng dân cư đô thị cùng cư trú trong một khu phố, tổ dân phố, đường phố thuộc các đô thị lớn và vừa;
- Loại cộng đồng dân cư cùng cư trú trong một đô thị nhỏ (thị xã miền núi, thị trấn, thị tứ);
- Loại cộng đồng dân cư cùng cư trú trong những thôn, ấp, làng, xóm thuộc nông thôn đồng bằng, trung du;
- Loại cộng đồng dân cư cùng cư ngụ trong các làng bản, buôn, phum, sóc,... thuộc các địa bàn nông thôn miền núi.

Nếu tiếp tục phân loại ta sẽ thấy trong các loại cộng đồng dân cư đó lại có thể có những nhóm nhỏ khác biệt nhau. Ví dụ, trong các cộng đồng dân cư đô thị lớn, thường xuất hiện các khu tập thể mà cư dân ở đó thuần nhất là các gia đình có người lao động làm việc trong một ngành, một lĩnh vực hoặc một cơ quan xí nghiệp lớn, một trường đại học, một viện nghiên cứu. Thông thường, các cộng đồng dân cư này hình thành trên cơ sở quy hoạch xây dựng và phát triển nhà ở của cơ quan, ban, ngành đó.

Tuy nhiên lại có những cộng đồng dân cư đô thị hình thành do quá trình đô thị hoá, chuyển đổi địa bàn từ bán đô thị thành đô thị, dân cư ở đó thường là dân bản địa, cơ bản có những quan hệ hàng tộc hoặc gần gũi với nhau từ nhiều đời. Ví dụ, những làng xã

ven đô được nâng cấp trở thành phường, thị trấn trong các thành phố lớn.

Lại có những cộng đồng dân cư mới mà do quá trình quy hoạch đô thị, do nhu cầu chuyển đổi, nhà nước thu hồi đất phố cũ và trả lại những khu đất mới. Những khu đô thị mới này thường có cộng đồng dân cư rất đa dạng, mới hình thành và thành phần gồm nhiều tầng lớp, nhiều địa phương khác nhau. Ví dụ, các xóm mới trên đất giãn dân do quy hoạch đô thị; các khu cao tầng mới xây dựng xong vừa phân nhà ở...

Từ góc độ lợi ích hoạt động phòng ngừa tội phạm loại địa bàn cư dân vừa nêu trên, cần được quan tâm chú ý nhất. Bởi ở đây, những nét tâm lý truyền thống thường đã bị xáo trộn; do sự đa dạng thành phần cư dân từ các đơn vị, địa phương, các cộng đồng khác đến cư trú nên những nét văn hoá cộng đồng ở nơi ở cũ có nguy cơ bị phá vỡ. Cộng đồng văn hoá mới đang dần hình thành chưa được khẳng định. Quan hệ gắn kết giữa các thành viên trong cộng đồng còn rất sơ khai. Sự kiểm soát của cộng đồng đối với hành vi của các cá nhân trong cộng đồng thường còn rất lỏng lẻo. Chính vì thế, trong các cộng đồng này thường xảy ra những hiện tượng xã hội tiêu cực (tội phạm, tệ nạn xã hội...). Tổ chức các hoạt động phòng ngừa tội phạm trong các cộng đồng dân cư này phải rất căn bản, đồng bộ và phải tiến hành ngay từ những ngày đầu có cư dân.

3. Mặc dầu vấn đề phòng ngừa và các biện pháp phòng ngừa tội phạm ở cộng đồng dân cư cũng đã được khá nhiều người nghiên cứu. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa thấy một công trình nào đi sâu nghiên cứu các biện pháp phòng ngừa đến tận các địa bàn dân cư cấp dưới đơn vị hành chính cơ sở.

Về nguyên tắc, các biện pháp phòng ngừa tội phạm dù ở cấp độ nào thì cũng phải thoả mãn những yêu cầu chung về phòng ngừa tội phạm.

Cái chung, cái cộng đồng đòi hỏi sự thống nhất phương pháp luận và những biện pháp phòng ngừa chung đối với tất cả mọi

đối tượng, mọi cá thể sống trên địa bàn, thậm chí có những biện pháp đúng với mọi địa bàn. Nhưng sự đa dạng của địa bàn cộng đồng dân cư lại đòi hỏi các biện pháp phòng ngừa chuyên biệt của các cơ quan chuyên môn, có nghĩa là các biện pháp được tiến hành trên cơ sở nghiên cứu, phân tích sâu sắc, đánh giá đúng đắn các yếu tố cụ thể có ảnh hưởng thuận hay nghịch đối với các tác động phòng ngừa đang tồn tại trên địa bàn và trong cộng đồng dân cư cụ thể đó. Đó là những biện pháp và cách thức đòi hỏi có nghiệp vụ chuyên môn sâu, tính nghề nghiệp và chuyên biệt hoá sâu sắc...

Hiệu quả của phòng ngừa tội phạm tại các cộng đồng dân cư cần được xác định bởi sự giảm bớt số lượng tội phạm cũng như sự giảm bớt tính chất phức tạp, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội xảy ra ở đó.

Để phát huy tác dụng và hiệu quả phòng ngừa, các biện pháp phòng ngừa tội phạm ở các cộng đồng dân cư phải thoả mãn hai điều kiện: vừa bảo đảm tuân thủ những yêu cầu chung đặt ra đối với hoạt động phòng ngừa nói chung; vừa phải phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể của cộng đồng dân cư đó.

Tuy nhiên dù tính chất của cộng đồng dân cư như thế nào thì cũng cần áp dụng đồng bộ các biện pháp phòng ngừa chung trên các phương diện văn hoá - tư tưởng, chính trị - xã hội, hành chính- pháp luật, biện pháp kinh tế - xã hội, biện pháp tổ chức - quản lý;.. Trong bất cứ cộng đồng dân cư nào thì vẫn phải phát huy tối đa vai trò của các chủ thể thành viên của mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại các địa bàn đó để phòng ngừa tội phạm. Đặc biệt là các tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam; Hội đồng nhân dân ở cơ sở; cơ quan quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội; các tổ chức quần chúng và công dân.

Trên phương diện phòng ngừa chuyên biệt cần phát huy vai trò nòng cốt, xung kích của Lực lượng CSND. Các biện pháp phòng ngừa mà Lực lượng CSND tiến hành là

những biện pháp phòng ngừa mang tính chuyên biệt sâu sắc, toàn diện.

Trong lý luận cũng như thực tiễn, chúng ta đều biết có thể tiến hành rất nhiều loại biện pháp phòng ngừa, trong đó các biện pháp phòng ngừa chung và các biện pháp phòng ngừa cá biệt cần được kết hợp, lồng ghép khéo léo thì mới mang lại hiệu quả cao.

Thông thường trong các cộng đồng dân cư có thể kết hợp những biện pháp phòng ngừa phổ biến như:

- Các biện pháp tác động thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt thông qua các đài truyền thanh trong các cụm dân cư để tuyên truyền giáo dục, đưa đến các đối tượng tác động những thông tin mang tính chất giáo dục, hướng dẫn, định hướng tư tưởng và định hướng hành vi cho dân cư tại cộng đồng.

- Các biện pháp dùng áp lực dư luận xã hội. Để tác động phòng ngừa trong các cộng đồng dân cư có thể tạo dư luận tích cực trong cộng đồng. Biện pháp tác động bằng áp lực của dư luận có thể sử dụng cho phòng ngừa chung cũng như phòng ngừa cá biệt tùy theo yêu cầu cụ thể mà vận dụng.

- Các biện pháp mang tính hành chính công khai, mà không tách đối tượng khỏi cộng đồng, như: giao cho các thiết chế tự quản, đoàn thể ở ngay tổ dân phố, làng, xóm, thôn, bản... kết hợp với giao cho gia đình, họ hàng quản lý, răn đe, giáo dục, kiểm điểm tại cộng đồng đối với các đối tượng có tiền án, tiền sự. Khi cần thiết, để bảo đảm an ninh trật tự, có thể áp dụng biện pháp cứng rắn hơn đối với những đối tượng mà nguy cơ phạm tội cao.

- Các biện pháp nhằm thay đổi môi trường giao tiếp của một con người hay một nhóm xã hội, bằng cách giám sát tại chỗ hoặc tạm thời tách khỏi cộng đồng dân cư để không gây ảnh hưởng xấu đối với cộng đồng. Đây là những biện pháp phải áp dụng các thủ thuật mang tính chuyên môn sâu. Ví dụ, cảnh sát có thể áp dụng các biện pháp nghiệp vụ trinh sát để thay đổi môi trường giao tiếp

của cá thể khi cần phòng ngừa cá biệt đối với những đối tượng cụ thể nào đó. Thông thường cơ quan cảnh sát quản lý địa bàn dân cư phải có danh sách các đối tượng được đưa vào diện phải quản lý dưới các mã nghiệp vụ nhất định.

- Các biện pháp nhằm giải quyết mâu thuẫn nội bộ trong các cộng đồng dân cư có vai trò và giá trị phòng ngừa đặc biệt.

- Các biện pháp nhằm kiểm soát hành vi của các đối tượng nghi vấn và tác động ngăn chặn hành vi phạm pháp. Công an cơ sở theo dõi hành vi; nghiên cứu hồ sơ lai lịch; xem xét hồ sơ vụ việc, lý lịch tư pháp, tài liệu khác đồng thời tổ chức tác động ngăn chặn trực tiếp các hành vi phạm pháp của đối tượng. Khi có những căn cứ chính xác, xét thấy cần thiết thì có thể gọi, triệu tập đến cơ quan công an để làm rõ các hành vi, răn đe về các khả năng phạm tội, cảnh cáo, giáo dục, tại cụm dân cư nơi đối tượng cư trú; yêu cầu cam kết không thực hiện hành vi... hoặc áp dụng các biện pháp nghiệp vụ loại bỏ những điều kiện thực hiện hành vi, vô hiệu hoá âm mưu, ý đồ phạm tội.

Ngoài ra có thể sử dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật và nhiều loại biện pháp khác để chủ động phòng ngừa và đấu tranh ngăn chặn tội phạm.

Tóm lại, phòng ngừa tội phạm tại các cộng đồng dân cư chính là khâu then chốt để làm giảm tình hình tội phạm. Phòng ngừa tội phạm tại các cộng đồng dân cư là những hệ thống biện pháp đa chiều, đa phương diện và đòi hỏi phải tiến hành trên những cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn vững chắc; kết hợp những nguyên lý chung với những điều kiện hoàn cảnh và đặc điểm riêng của từng cộng đồng dân cư cụ thể. Đặc biệt tác dụng của hệ thống phòng ngừa tại các cộng đồng dân cư dưới đơn vị hành chính cơ sở là rất to lớn. Trong việc phòng ngừa tội phạm tại các cộng đồng dân cư, cần chú trọng kết hợp khéo léo các biện pháp phòng ngừa chung với các biện pháp phòng ngừa cá biệt để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống phòng ngừa.